BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN TUẦN

"Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

(ngày lấy mẫu 22-23/04/2021)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 20 đến ngày 26/04/2021

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.
12	Đập An Bài	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
	(sông Châu Giang)		
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đập Biên Hòa	Kênh Biên Hòa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông Tiên Hương

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2021

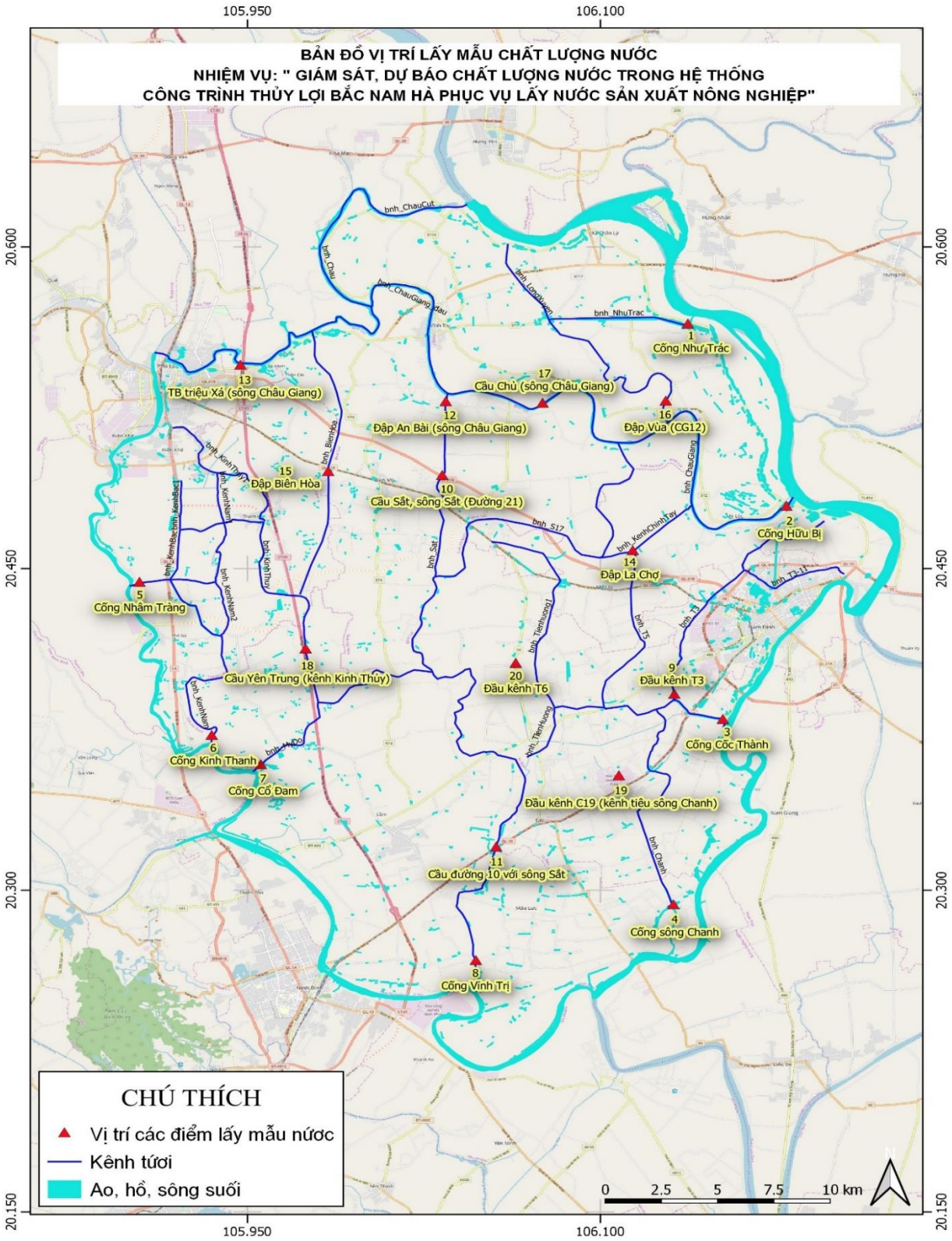

2. Thông tin lúc giám sát

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin hiện trường.

3. Kết quả đo đạc

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 20/04/2021 đến ngày 26/04/2021

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 33-96mm.

Bảng 23: MỰC NƯỚC TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	MNTB tuần hiện tại (m)	Mực nước TB tuần tới (m)	So sánh MNTB tuần dự báo với cùng kỳ (+/-%)			Đánh giá
						TBNN	2020	2019	
1	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	0,63	0,47	+2	-36	-49	Xu thế tăng so với TBNN cùng kỳ
2	Nam Định	Nam Định	Đào	0,98	0,52	-2	-42	-54	Xu thế giảm so với TBNN cùng kỳ

Bảng 24: NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mực nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	0,7	100,0	7512	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	0,7	100,0	7501	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	0,5	100,0	8536	Giảm
4	TB. Cổ Đam	0,8	9651	0,5	100,0	9651	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	0,5	100,0	4415	Tăng
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		0,5			Giảm

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	26/04	
Cống Như Trác		5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	≥ 4
Cống Hữu Bị		6,778	6,777	6,779	6,781	6,784	6,787	6,790	≥ 4
Cống Cốc Thành		6,880	6,871	6,865	6,862	6,860	6,858	6,857	≥ 4
Cống sông Chanh		4,557	4,591	4,624	4,650	4,670	4,685	4,695	≥ 4
Cống Nhâm Tràng		5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	≥ 4
Cống Kinh Thanh		5,736	5,749	5,760	5,765	5,764	5,759	5,748	≥ 4
Cống Cổ Đam		5,917	5,876	5,838	5,811	5,795	5,786	5,786	≥ 4
Cống Vĩnh Trị		4,947	4,956	4,966	4,976	4,986	4,996	5,005	≥ 4
Đầu kênh T3		6,809	6,770	6,746	6,730	6,719	6,711	6,705	≥ 4
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		6,179	6,271	6,337	6,388	6,431	6,467	6,498	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt		5,051	5,066	5,077	5,085	5,092	5,098	5,104	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)		6,500	6,528	6,552	6,575	6,596	6,615	6,633	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập La Chợ		6,669	6,674	6,679	6,685	6,691	6,697	6,702	≥ 4
Đập Biên Hòa		5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)		6,871	6,880	6,883	6,884	6,885	6,886	6,886	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		6,666	6,688	6,706	6,721	6,733	6,744	6,754	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		5,537	5,563	5,597	5,617	5,633	5,648	5,664	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		6,045	6,168	6,237	6,281	6,312	6,334	6,350	≥ 4
Đầu kênh T6		6,867	6,848	6,837	6,830	6,825	6,822	6,819	≥ 4

NO_3^-									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		20/04	**21/04**	**22/04**	**23/04**	**24/04**	**25/04**	**26/04**	
Cống Như Trác		1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	**≤ 10**
Cống Hữu Bị		1,076	1,078	1,076	1,073	1,067	1,062	1,056	**≤ 10**
Cống Cốc Thành		1,242	1,279	1,290	1,293	1,293	1,292	1,291	**≤ 10**
Cống sông Chanh		8,696	8,658	8,612	8,571	8,539	8,515	8,497	**≤ 10**
Cống Nhâm Tràng		1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	**≤ 10**
Cống Kinh Thanh		3,784	3,763	3,756	3,777	3,830	3,917	4,037	**≤ 10**
Cống Cổ Đam		3,659	3,883	4,059	4,154	4,192	4,197	4,185	**≤ 10**
Cống Vĩnh Trị		3,709	3,717	3,724	3,732	3,740	3,748	3,757	**≤ 10**
Đầu kênh T3		2,039	2,146	2,178	2,184	2,180	2,173	2,165	**≤ 10**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		2,354	2,206	2,096	2,007	1,930	1,862	1,802	**≤ 10**
Cầu đường 10 với sông Sắt		3,642	3,650	3,659	3,670	3,682	3,693	3,703	**≤ 10**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		1,779	1,720	1,667	1,617	1,571	1,528	1,489	**≤ 10**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	**≤ 10**
Đập La Chợ		1,480	1,467	1,449	1,432	1,415	1,401	1,387	**≤ 10**
Đập Biên Hòa		0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	**≤ 10**
Đập Vùa (CG12)		0,805	0,786	0,781	0,779	0,778	0,777	0,775	**≤ 10**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		1,386	1,325	1,279	1,243	1,212	1,187	1,166	**≤ 10**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		6,227	6,085	5,873	5,767	5,721	5,700	5,685	**≤ 10**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		3,795	3,542	3,409	3,318	3,248	3,192	3,148	**≤ 10**
Đầu kênh T6		1,412	1,487	1,508	1,514	1,514	1,512	1,509	**≤ 10**

BOD$_5$									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		20/04	**21/04**	**22/04**	**23/04**	**24/04**	**25/04**	**26/04**	
Cống Như Trác		7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	**≤ 15**
Cống Hữu Bị		5,980	5,993	5,987	5,968	5,941	5,912	5,882	**≤ 15**
Cống Cốc Thành		7,631	7,695	7,734	7,762	7,782	7,798	7,812	**≤ 15**
Cống sông Chanh		12,274	12,243	12,204	12,173	12,154	12,143	12,138	**≤ 15**
Cống Nhâm Tràng		7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	**≤ 15**
Cống Kinh Thanh		13,470	13,401	13,350	13,323	13,322	13,343	13,382	**≤ 15**
Cống Cổ Đam		12,555	12,774	12,983	13,162	13,303	13,402	13,458	**≤ 15**
Cống Vĩnh Trị		17,482	17,491	17,496	17,500	17,504	17,509	17,515	**≤ 15**
Đầu kênh T3		8,370	8,648	8,832	8,965	9,069	9,153	9,225	**≤ 15**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		11,146	10,601	10,186	9,844	9,546	9,279	9,035	**≤ 15**
Cầu đường 10 với sông Sắt		17,045	17,029	17,029	17,039	17,057	17,078	17,099	**≤ 15**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		9,021	8,777	8,554	8,342	8,142	7,956	7,785	**≤ 15**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	**≤ 15**
Đập La Chợ		7,446	7,404	7,339	7,269	7,201	7,139	7,082	**≤ 15**
Đập Biên Hòa		12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	**≤ 15**
Đập Vùa (CG12)		4,731	4,615	4,583	4,573	4,569	4,565	4,559	**≤ 15**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		7,349	7,080	6,874	6,703	6,559	6,438	6,336	**≤ 15**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		13,734	13,669	13,657	13,669	13,665	13,638	13,591	**≤ 15**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		9,984	9,879	9,889	9,926	9,970	10,013	10,056	**≤ 15**
Đầu kênh T6		7,789	7,922	8,004	8,061	8,104	8,138	8,167	**≤ 15**

NH_4^+									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		20/04	**21/04**	**22/04**	**23/04**	**24/04**	**25/04**	**26/04**	
Cống Như Trác		0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	≤ **0,9**
Cống Hữu Bị		0,328	0,330	0,330	0,328	0,326	0,323	0,320	≤ **0,9**
Cống Cốc Thành		0,422	0,429	0,433	0,436	0,439	0,441	0,443	≤ **0,9**
Cống sông Chanh		1,828	1,834	1,839	1,844	1,847	1,851	1,854	≤ **0,9**
Cống Nhâm Tràng		0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	≤ **0,9**
Cống Kinh Thanh		1,017	1,013	1,010	1,009	1,009	1,012	1,016	≤ **0,9**
Cống Cổ Đam		0,932	0,950	0,968	0,984	0,997	1,007	1,013	≤ **0,9**
Cống Vĩnh Trị		1,318	1,321	1,323	1,326	1,328	1,330	1,333	≤ **0,9**
Đầu kênh T3		0,491	0,521	0,543	0,560	0,573	0,584	0,594	≤ **0,9**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		0,797	0,746	0,708	0,677	0,650	0,626	0,605	≤ **0,9**
Cầu đường 10 với sông Sắt		1,287	1,288	1,290	1,293	1,296	1,299	1,303	≤ **0,9**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		0,595	0,574	0,555	0,536	0,519	0,503	0,488	≤ **0,9**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	≤ **0,9**
Đập La Chợ		0,472	0,469	0,464	0,458	0,452	0,447	0,442	≤ **0,9**
Đập Biên Hòa		0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	≤ **0,9**
Đập Vùa (CG12)		0,218	0,207	0,204	0,203	0,203	0,203	0,202	≤ **0,9**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		0,448	0,426	0,408	0,393	0,380	0,369	0,360	≤ **0,9**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		1,006	1,006	1,014	1,022	1,027	1,028	1,027	≤ **0,9**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		0,654	0,676	0,701	0,724	0,743	0,758	0,772	≤ **0,9**
Đầu kênh T6		0,436	0,450	0,460	0,467	0,472	0,477	0,480	≤ **0,9**

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt quá giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo như Cống Vĩnh Trị, Cầu Đường 10, TB Triệu Xá.

Các vị trí có hàm lượng NH_4^+ trong kỳ dự báo vượt quá giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo như Cống Sông Chanh, Kinh Thanh, Cổ Đam, Vĩnh Trị, Cầu đường 10, Cầu Yên Trung.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt quá giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo không thay đổi so với tuần 15.

2. Đề xuất

Tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5, NH_4^+, NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước DO sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận: **VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.